

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-CĐYT ngày 23/5/2025

Ngành 6720201 Cao đẳng Dược

Tổng số: 28

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
1	1003	Dương Tuấn	Anh	17/02/1995	Nam	1901		2013	19018	2NT	6.6	6.4	6.8	20.3
2	1728	Trần Thị Vân	Anh	3/10/2005	Nữ	1903		2023	48036	1	6.6	7.4	7.2	22.0
3	1049	Nghiêm Thị	Chinh	1/10/1997	Nữ	1907		2015	19027	2	7.3	7.4	7.3	22.3
4	1605	Nguyễn Cảnh	Cung	9/12/1995	Nam	1901		2013	29069	1	6.2	7.1	7.1	21.2
5	1077	Nguyễn Thị	Dung	15/09/1997	Nữ	1901		2015	19018	2NT	7.1	7.4	7.9	22.9
6	1298	Nguyễn Thị Thùy	Dung	24/02/1993	Nữ	2102		2011	19011	2NT	7.3	7.3	7.6	22.7
7	1671	Trần Thị	Hà	16/01/1999	Nữ	4603		2017	19026	2NT	7.4	8.0	7.8	23.7
8	1043	Đàm Thị	Hạnh	5/9/1992	Nữ	1901		2010	19050	2	8.4	8.1	8.3	25.1
9	1352	Nguyễn Thị	Hậu	13/04/1993	Nữ	1905		2011	1059	3	7.8	7.6	7.6	23.0
10	1096	Vũ Thị	Hồng	2/6/1994	Nữ	1901		2012	19014	2NT	6.4	6.7	6.9	20.5
11	1123	Nguyễn Ngọc	Hồng	25/12/2003	Nữ	1904		2021	19020	2NT	7.3	7.6	8.0	23.4
12	1652	Nguyễn Thị Thuý	Hường	30/09/1999	Nữ	1908		2017	19024	2NT	7.5	7.5	8.1	23.6
13	991	Nguyễn Thanh	Huyền	15/07/2003	Nữ	1902		2021	19018	2NT	8.1	8.4	8.8	25.8

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
14	1262	Ngô Thị	Mai	17/09/1988	Nữ	1906		2006	19024	2NT	7.4	7.5	7.2	22.6
15	1182	Nguyễn Quang	Nam	9/10/1982	Nam	1905		2002	19025	2	6.4	6.6	6.1	19.4
16	1310	Dương Thị Thanh	Nam	2/8/1999	Nữ	1904		2017	19024	2NT	7.5	7.8	7.8	23.6
18	773	Đào Thị Bích	Ngọc	12/2/1985	Nữ	1809		2003	18019	1	6.8	6.8	7.2	21.1
19	1099	Trần Thị Bảo	Ngọc	15/10/1992	Nữ	1902		2010	18029	1	7.1	7.3	6.7	21.9
20	1044	Bùi Thị	Nhân	18/05/1990	Nữ	1908		2008	23027	1	7.6	7.0	6.7	22.6
17	1498	Lương Thuý	Nga	15/06/2006	Nữ	1902		2024	19037	2	6.3	6.8	7.2	20.6
21	1095	Nguyễn Thị	Phuong	15/07/1988	Nữ	1904		2006	18034	1	5.7	5.6	6.0	18.1
22	1180	Lưu Thanh	Tâm	6/7/1991	Nữ	1901		2009	19010	2NT	7.5	6.6	6.9	21.5
23	1573	Nguyễn Thị	Thảo	22/10/1993	Nữ	1904		2011	19053	2	6.8	7.1	7.4	21.6
24	1366	Dương Xuân	Thịnh	15/01/2006	Nam	1904		2024	48022	2NT	7.3	6.6	8.3	22.7
25	1309	Nguyễn Thị	Tinh	26/12/1985	Nữ	1905		2003	19016	2	7.8	8.0	7.8	23.9
26	1293	Kim Văn	Toàn	6/11/1984	Nam	1902		2002	25027	2NT	7.7	6.9	6.7	21.8
27	1687	Đỗ Kim	Trà	18/12/2000	Nam	1908		2018	19011	2NT	7.3	7.7	8.1	23.6
28	1207	Nguyễn Văn	Tuấn	6/5/1997	Nam	1803		2016	19013	2	6.1	6.5	6.5	19.4